

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-PT
Ngày: 30-6-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyên;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 28 và 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 “Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2022/QĐ-PT, ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phùng Quang M, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Mỹ P, xã Hòa Mỹ T, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Hồng A, sinh năm 1981; vắng mặt.

Anh Huỳnh Tấn D, sinh năm 1980; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Long Ch, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại

diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2020 và ngày 22/10/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư ông Nguyễn Văn T - Công ty Luật TNHH MTV Bảo Pháp thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Bé Đ, sinh năm 1995 (đã chết ngày 05/6/2021);

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị Đào: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Anh Phùng Quang M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-10-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Ngô Thị L trình bày:

Ngày 15-6-2005, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị B phần đất ngang 20m, tổng diện tích 3200m² thuộc thửa số 3504, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 29-8-2005, chồng bà là ông Trần Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ) số H00415/2339/2005/HĐ-CN. Khi chuyển nhượng các bên có đo đạc cắm trụ xi măng là ranh, quá trình sử dụng ổn định không tranh chấp. Sau đó, vợ chồng bà về Bình Dương làm công nhân để có thêm thu nhập về xây dựng nhà ở trên đất. Đến ngày 12-3-2020, chồng bà là ông Trần Văn D mất, sau đó bà tiến hành làm thủ tục thừa kế đối với diện tích đất trên thì phát hiện phần đất trên đã bị chị Lưu Thị Hồng A lấn phần đất ngang 11,06m với diện tích đo đạc là 107,8m².

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Lưu Thị Hồng A trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 107,8m². Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng theo sơ đồ thì ranh đất giữa bà L và chị A là ranh thẳng, diện tích đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và chị A không bao gồm quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp nên yêu cầu vợ chồng chị Lưu Thị Hồng A trả lại diện tích đất đã lấn là 107,8m²

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà nội cho cha mẹ chị A, sau đó mẹ chị A là bà Nguyễn Thị Mỹ D có thương lượng với ông Hồ Văn Y để sử dụng diện tích đất tranh chấp. Đến năm 2007, bà D tặng cho vợ chồng chị A diện tích đất trên và anh D, chị A đã được cấp giấy CNQSDĐ số H011725/1153/2007/QĐ-UBND ngày 14-12-2007. Do phần đất tranh chấp bị trùng gia đình chị A canh tác trồng lúa từ năm 1976 đến năm 2017 trồng cao su trên đất. Khi ông Tr chuyển nhượng đất cho bà L các bên có đo đạc cắm trụ ranh, hiện trụ ranh trên đất vẫn còn, ranh đất vẫn ổn định theo trụ ranh đã cắm, chị A, anh D hoàn toàn không lấn đất bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị A trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 107,8m² thì anh D, chị A không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, chị A, anh D tự nguyện cho bà L phần đất ngang 2,57m, diện tích 11,3m² để ranh được ổn định. Ngoài ra, anh D chị A không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H, chị Trần Thị Bé Đ do người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Ngô Thị L trình bày:*

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị Bé Đ là con của ông D, bà L. Anh, chị thống nhất với lời trình bày của Bà Ngô Thị L, yêu cầu vợ chồng chị A trả diện tích đất đã lấn là 107,8m², thuộc thửa số 3504, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn N trình bày:*

Ông là cha ruột của anh Trần Văn D, quá trình sinh sống thì vợ chồng anh D có chuyển nhượng của ông Tr phần đất diện tích ngang 20m tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh, cụ thể việc đo đạc cắm cọc ranh như thế nào thì ông không biết. Sau khi chuyển nhượng thì vợ chồng anh D qua Bình Dương làm công nhân nên chưa xây dựng hay canh tác trên đất. Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị A, anh D trả phần đất diện tích 107,8m², thuộc thửa số 3504, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì diện tích đất trên là do vợ chồng chị L chuyển nhượng nên việc chị L khởi kiện là do chị L quyết định, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:20/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 74, khoản 1 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Bà Ngô Thị L đối với chị Lưu Thị Hồng A, anh Huỳnh Tấn D về việc tranh chấp phần đất diện tích 107,8m² thuộc thửa 3504, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị Lưu Thị Hồng Â, anh Huỳnh Tấn D có trách nhiệm giao cho bà Ngô Thị L phần đất diện tích 11,3 m² thuộc thửa 3504 (thửa 194), tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do ông Trần Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00415/2339/2005 ngày 29-8-2005 có tứ cận Tây giáp đường dài 2,57m; Nam giáp đất chị Â dài 9m, Bắc giáp đất bà L dài 9,84m. Bà L được quyền sở hữu cây trồng trên diện tích đất được chị Â, anh D giao.

Ngày 01/04/2022, người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị L là anh Phùng Quang M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xét xử thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện của bị đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện của nguyên đơn trình bày tranh luận: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc ban đầu là đất được ông Trần Văn Tr sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00745/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Tr ngày 03/12/1996, có diện tích 29.895m². Đến năm 2005 ông Tr chuyển nhượng cho ông D, bà L phần đất có diện tích 3200m², thuộc thửa số 2855 có diện tích 11.450m², nằm trong phần đất nói trên. Trong hợp đồng chuyển nhượng đất có sơ đồ đất kèm theo, diện tích hiện trạng chiều ngang giáp đường đất là 20m ngang. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đất của nguyên đơn có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Tr vào năm 2005, sau khi nhận chuyển nhượng nguyên đơn để lại phần đất này cho mẹ chồng sử dụng để trồng mì được khoảng một năm, sau đó không còn sử dụng nữa. Đất của chị Â có nguồn gốc sử dụng từ trước năm 2005. Phần đất không tranh chấp được sử dụng liên tục. Hiện tại, chị Â sử dụng đất không có tranh chấp để trồng cây cao su. Trụ xi măng được ông Tr, bà D xác định là trụ ranh. Việc UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, chị Â là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H và ông Trần Văn N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, ông N.

[2] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị L thấy rằng:

[2.1] Ngày 15-6-2005, ông Trần Văn D và bà Ngô Thị L có nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 3.200m² tại thửa 2855 có diện tích 11.450m², tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh của ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị B từ phần đất có diện tích 29.895m², thuộc giấy CNQSDĐ số 00745/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Trần Văn Tr ngày 03/12/1996. Diện tích ông Tr và bà B chuyển nhượng cho ông D có sơ đồ hiện trạng đất với chiều ngang mặt tiền giáp đường đất là 20m ngang, mặt hậu 20m ngang (bút lục 07,08,10). Theo Sơ đồ bản vẽ đất của ông Tr thì cạnh tiếp giáp với phần đất của chị Á, anh D là đường thẳng từ trong ra giáp đường đất. Ngày 29-8-2005, ông D được cấp giấy CNQSDĐ diện tích 3.200m² theo giấy CNQSDĐ số H00415/2339/2005, theo sơ đồ đất trong giấy CNQSDĐ của ông D thì diện tích chiều ngang mặt tiền giáp đường cũng là 20m, mặt hậu 20m (bút lục 13). Qua đo đạc thực tế diện tích đất ông D, bà L sử dụng là 2.802,2m² mặt tiền giáp đường còn 8,94m thiếu 11,06m ngang.

[2.2] Phần đất diện tích 5.500m² của chị Á đứng tên quyền sử dụng có nguồn gốc là của ông bà nội chị Á cho bà D. Bà D chưa kê khai đăng ký, chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Đến ngày 25-09-2007, bà D viết giấy tay cho lại con là chị Lưu Thị Hồng Á (bút lục 136). Ngày 14-12-2007, Chị Lưu Thị Hồng Á và anh Huỳnh Tấn D được cấp giấy CNQSDĐ, trong giấy CNQSDĐ của chị Á, anh D có sơ đồ đất của phần diện tích đất được cấp thì cạnh giáp đất ông D là đường thẳng chạy ra giáp đường đất không có phần diện tích đất tranh chấp (bút lục 137). Tại phiên tòa phúc thẩm bà D đại diện chị Á thừa nhận vào năm 2007 bà nhận được giấy CNQSDĐ của chị Á, bà thấy sơ đồ hiện trạng đất của chị Á không có phần đất tranh chấp nhưng không khiếu nại, thắc mắc gì. Phần đất của chị Á, anh D đã trồng cây cao su được 05 năm tuổi. Còn diện tích đất tranh chấp chị Á, anh D không sử dụng (không trồng cao su).

[2.3] Đối với lời khai các nhân chứng cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích là 107,8m² là của ông N (đã chết) sang nhượng lại cho bà Phan Thị C sau đó bà C giao lại cho con dâu là bà D, bà D cho lại chị Á là không có cơ sở. Bởi vì, diện tích là 107,8m² ông Tr đã kê khai đăng ký quản lý sử dụng và được

cấp giấy CNQSDĐ từ năm 1996 đến năm 2005 mới chuyển nhượng cho ông D, bà L.

[2.4] Tại Biên bản xem xét, đo đạc và thẩm định ngày 30/11/2020, anh U' con ông Tr và ông Tr, ông Lâm Tấn T xác định trụ xi măng trồng trên đất là trụ ranh. Bà L không thừa nhận trụ ranh. Tại biên bản lấy lời khai các ngày 09 và 10 tháng 6 năm 2022, các con ông Tr xác định ông Tr bị tai biến từ năm 2018 đến nay không còn minh mẫn. Còn ông Lâm Tấn T là địa chính xã Long V là người trực tiếp vẽ sơ đồ hiện trạng diện tích 3.200m² chuyển quyền sử dụng đất từ ông Tr sang cho ông D, bà L vào năm 2005 phần đất có chiều ngang là 20m (bút lục 105).

[2.5] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/2005 giữa ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị B với ông Trần Văn D, bà Ngô Thị Lá được Ủy ban nhân dân xã Long V, Phòng Tài nguyên Môi Trường huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh ký xác nhận chiều ngang giáp với đường đất ông Tr chuyển cho ông D, bà L là 20m ngang nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Cấp sơ thẩm cho rằng hai bên đã thỏa thuận ranh giới theo trụ xi măng được cắm từ năm 2005 nên áp dụng khoản 1 Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” để không chấp nhận yêu cầu bà L là chưa xem xét toàn diện khách quan vụ kiện. Vì bà L không thừa nhận ranh giới này và cũng không có căn cứ chứng minh bà L ông D, chị Á, anh D thống nhất ranh giới với nhau, ranh giới trụ xi măng cũng chưa tồn tại đủ 30 năm (từ năm 2005 đến nay) do đó cần xác định ranh giới theo giấy CNQSDĐ đã cấp cho các bên.

[2.7] Phần diện tích 107,8m² do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy CNQSDĐ cho ông D từ năm 2005; trước khi chị Á được bà D cho đất, hiện tại vẫn nằm trong giấy CNQSDĐ của ông D.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận lời trình bày của Luật sư phát biểu bảo vệ quyền lợi cho chị Á. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị L tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc là 2.942.000 đồng, chi phí định giá là 1.500.000 đồng và chi phí sao chụp hồ sơ là 80.000 đồng, tổng cộng là 4.522.000 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận bà Ngô Thị L đã nộp xong.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L được chấp nhận nên chị Á, anh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Ngô Thị L được chấp nhận nên bà Ngô Thị L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Ngô Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017270 ngày 01-4-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh (do anh Phùng Quang M nộp thay).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị L.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của bà Ngô Thị L đối với chị Lưu Thị Hồng Â, anh Huỳnh Tấn D về việc tranh chấp phần đất diện tích 107,8m² thuộc thửa 3504, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Buộc chị Lưu Thị Hồng Â, anh Huỳnh Tấn D có trách nhiệm giao cho bà Ngô Thị L phần đất diện tích 107,8m² thuộc thửa 3504 (thửa 194), tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Long C, xã Long V, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do ông Trần Văn D đứng tên giấy CNQSDĐ số H00415/2339/2005 ngày 29-8-2005 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông D, bà L dài 6,13m + 12,77m; hướng Tây giáp đường đất dài 11,07m; hướng Nam giáp đất chị Â, anh D thửa 194 dài 24,53m; hướng Bắc giáp đất ông D, bà L (thửa 182) dài 9,84m + 3,02m. Bà L được quyền sở hữu cây trồng trên phần đất này (kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất).

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Ngô Thị L tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc là 2.942.000 (hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn) đồng, chi phí định giá là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng và chi phí sao chụp hồ sơ là 80.000 (tám mươi nghìn) đồng, tổng cộng là 4.522.000 (bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn) đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận bà Ngô Thị L đã nộp xong.

6. Về án phí:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị Hồng Â và anh Huỳnh Tấn D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Ngô Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho Bà Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí bà Ngô Thị L đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007616 ngày 13/10/2020.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Ngô Thị L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017270 ngày 01/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh (do anh Phùng Quang M nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Vân